ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHAN NGỌC HIỂN

Biểu mẫu số 62

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân Xã Phan Ngọc Hiển)

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25=21/17*	*26=22/18*	*27=23/19*	*28=24/20*
	TỔNG SỐ					**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**	**0**	**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**	**0**	**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**89,3**		**92,1**	**87,1**
I	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**					**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**	**0**	**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**	**0**	**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**89,3**		**92,1**	**87,1**
1	**Chuẩn bị đầu tư**																												
2	**Thực hiện dự án**					**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**	**0**	**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**11.164.104.092**	**0**	**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**	**0**	**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**89,3**		**92,1**	**87,1**
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm … sang giai đoạn 5 năm …**																												
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**					**11.164.104.092**		**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**		**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**11.164.104.092**		**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**11.164.104.092**		**4.925.104.092**	**6.239.000.000**	**9.968.321.618**		**4.534.598.618**	**5.433.723.000**	**89,3**		**92,1**	**87,1**
-	Xây dựng đèn thắp sáng từ UBND xã Tân Ân đến nhà Ông Kén Xẻo Mầm	ấp Nhà Diệu, Dinh Hạn, Xẻo Mầm	102 bóng đèn năng lượng mặt trời, công suất 100W; 101 trụ đèn thép cao 5m	Năm 2025	Số 27B/QĐ-UBND ngày 08/02/2025	1.177.000.000		1.177.000.000		1.163.584.000		1.163.584.000		1.177.000.000		1.177.000.000		1.177.000.000		1.177.000.000		1.163.584.000		1.163.584.000		98,9		98,9	
-	Xây dựng đèn thắp sáng từ UBND xã Tân Ân đến cuối khu Ô Rô	ấp Nhà Diệu, Rạch Gốc, Ô Rô	102 bóng đèn năng lượng mặt trời, công suất 100W; 102 trụ đèn thép cao 5m	Năm 2025	Số 27A/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	1.181.000.000		1.181.000.000		1.118.977.000		1.118.977.000		1.181.000.000		1.181.000.000		1.181.000.000		1.181.000.000		1.118.977.000		1.118.977.000		94,7		94,7	
-	Xây dựng cổng chào Nông thôn mới xã Tân Ân	ấp Xẻo Mầm	Chiều rộng (phủ bì) 8,5m; Chiều rộng lọt lòng 7,5m; Chiều cao đỉnh cổng 7,1m; Chiều cao lọt lòng 4,8m	Năm 2025	Số 25/QĐ-UBND ngày 06/2/2025	349.000.000		349.000.000		333.477.000		333.477.000		349.000.000		349.000.000		349.000.000		349.000.000		333.477.000		333.477.000		95,6		95,6	
-	Gia cố lề đất đen tuyến lộ mé sông Ô Rô	ấp Ô Rô	Tổng chiều dài tuyến 2.167m, trong đó chiều dài gia cố lề 914m	Năm 2025	Số 36/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	320.000.000		320.000.000		311.307.000		311.307.000		320.000.000		320.000.000		320.000.000		320.000.000		311.307.000		311.307.000		97,3		97,3	
-	Mở rộng, nâng cấp lộ từ bến phà Gốc Me đến trụ sở ấp Rạch Gốc	ấp Rạch Gốc	Tổng chiều dài 189,45m; rộng 3.0 đến 5.0m	Năm 2025	Số 35/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	809.000.000		383.000.000	426.000.000	799.848.000		373.848.000	426.000.000	809.000.000		383.000.000	426.000.000	809.000.000		383.000.000	426.000.000	799.848.000		373.848.000	426.000.000	98,9		97,6	100,0
-	Mở rộng, nâng cấp Lộ tẻ điểm trường Dinh Hạn	ấp Dinh Hạn	Tổng chiều dài 102,2m; Bề rộng mặt đường 4,0m	Năm 2025	21A/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	702.000.000			702.000.000	663.245.000			663.245.000	702.000.000			702.000.000	702.000.000			702.000.000	663.245.000			663.245.000	94,5			94,5
-	Nâng cấp đoạn lộ Ban quản lý rừng Kiến Vàng	ấp Xẻo Mầm	Chiều dài 231,24m; Bề rộng mặt đường 3,0m	Năm 2025	Số 32A/QĐ-UBND ngày 15/02/2025	676.000.000			676.000.000	666.405.000			666.405.000	676.000.000			676.000.000	676.000.000			676.000.000	666.405.000			666.405.000	98,6			98,6
-	Mở rộng, nâng cấp Lộ tẻ nhà Ông Đinh	ấp Dinh Hạn	Tổng chiều dài 63,3m; Bề rộng mặt đường 4,0m	Năm 2025	Số 22/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	791.000.000			791.000.000	747.883.000			747.883.000	791.000.000			791.000.000	791.000.000			791.000.000	747.883.000			747.883.000	94,5			94,5
-	Mở rộng lộ từ UBND xã đến trường Mẫu giáo	ấp Nhà Diệu	Tổng diện tích lót gạch vỉa hè: 945,7m2; Xây dựng mới gạch bó nền 69,9m; Xây dựng mới bó vỉa bê tông 52,8m; Gia cố cừ 9,1md	Năm 2025	Số 21b/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	1.459.000.000			1.459.000.000	1.440.532.000			1.440.532.000	1.459.000.000			1.459.000.000	1.459.000.000			1.459.000.000	1.440.532.000			1.440.532.000	98,7			98,7
-	Mở rộng, nâng cấp lộ bê tông khu 36 hộ	ấp Xẻo Mầm	Xây dựng mới rộng 2,5m dài 187,6m; Phần đường mở rộng thêm 01m dài 794,4m; Cầu vượt dài 12m, rộng 2,7m: 01 cây; Cầu vượt dài 03m, rộng 2,5m: 10 cây	Năm 2026	Số 34A/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	1.146.000.000			1.146.000.000	450.658.000			450.658.000	1.146.000.000			1.146.000.000	1.146.000.000			1.146.000.000	450.658.000			450.658.000	39,3			39,3
-	Tuyến Xẻo Ngay (Ngã 3 Xẻo Lá Nhỏ đến nhà ông Phạm Trung Hiếu) - Giai đoạn 1	ấp Xẻo Ngay	Chiều dài 2.135m; chiều rộng mặt đường 02m	Năm 2025	Số 55/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.585.000.000		682.000.000	903.000.000	1.580.806.618		677.806.618	903.000.000	1.585.000.000		682.000.000	903.000.000	1.585.000.000		682.000.000	903.000.000	1.580.806.618		677.806.618	903.000.000	99,7		99,4	100,0
-	Tuyến Ông Miễu - Hai Vàm (Đoạn từ hộ ông Tạ Minh Sang đến hộ ông Nguyễn Minh Đương)	ấp Tắc Biền	Chiều dài 230m; chiều rộng mặt đường 1,5m	Năm 2025		136.000.000			136.000.000	136.000.000			136.000.000	136.000.000			136.000.000	136.000.000			136.000.000	136.000.000			136.000.000	100,0			100,0
-	Đề án xây dựng nông thôn mới xã Phan Ngọc Hiển (7475489)			Năm 2025		662.751.253		662.751.253		555.599.000		555.599.000		662.751.253		662.751.253		662.751.253		662.751.253		555.599.000		555.599.000		83,8		83,8	
-	Đề án xây dựng nông thôn mới xã Phan Ngọc Hiển (7475492)			Năm 2025		170.352.839		170.352.839		0		0		170.352.839		170.352.839		170.352.839		170.352.839		0		0		0,0		0,0	
II	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**																												